

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1388/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung
đô thị mới Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đến năm 2045

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị, Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng tại Tờ trình số 112/TTr-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2023, Tờ trình số 150/TTr-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2023 và Báo cáo thẩm định số 214/BC-BXD ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị mới Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, đến năm 2045 với những nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, ranh giới và quy mô lập quy hoạch:

Phạm vi khu vực lập quy hoạch bao gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Thủy Nguyên và phần đảo Vũ Yên cùng mặt nước liền kề thuộc địa giới hành chính quận Hải An; quy mô lập quy hoạch: Khoảng 26.910,2 ha (diện tích trên địa bàn huyện Thủy Nguyên 26.191,2 ha; diện tích trên địa bàn quận Hải An 719,0 ha). Ranh giới nghiên cứu lập quy hoạch như sau:

- Phía Đông và phía Bắc: giáp với thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh;
- Phía Tây: giáp huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- Phía Nam: giáp huyện An Dương, quận Hồng Bàng và quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

2. Thời hạn lập quy hoạch: đến năm 2045.

3. Mục tiêu:

- Cụ thể hoá những chiến lược, định hướng phát triển của quốc gia và của thành phố Hải Phòng; nâng tầm vị thế đô thị Thủy Nguyên trở thành trung tâm kinh tế đa ngành của thành phố Hải Phòng và của vùng đồng bằng sông Hồng; phát triển đô thị Thủy Nguyên trở thành thành phố trực thuộc thành phố Hải Phòng.

- Xây dựng, phát triển đô thị Thủy Nguyên trở thành một đô thị văn minh, hiện đại, hướng tới thành phố quốc tế, thành phố sinh thái thông minh; phát huy hiệu quả các giá trị lịch sử, cảnh quan, môi trường, văn hóa; đảm bảo quốc phòng, an ninh, thích ứng biến đổi khí hậu.

4. Tính chất đô thị:

- Là đô thị loại III vào năm 2025 hướng tới đô thị loại II năm 2035 với mô hình thành phố thuộc thành phố Hải Phòng.

- Là trung tâm hành chính, chính trị mới của thành phố Hải Phòng; là trung tâm công nghiệp, thương mại, dịch vụ, tài chính, du lịch, văn hóa thể dục thể thao, y tế, giáo dục; là trung tâm nghề cá vùng duyên hải Bắc Bộ.

- Là đô thị thông minh, sinh thái, thân thiện với môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Có vị trí chiến lược về quốc phòng - an ninh.

5. Sơ bộ dự báo phát triển:

a) Dự báo về quy mô dân số:

- Dân số đến năm 2035: khoảng 600.000 người.

- Dân số đến năm 2040: khoảng 645.000 người.

- Dân số đến năm 2045: khoảng 725.000 người.

b) Dự báo quy mô đất đai:

- Đến năm 2030 - 2035 đất xây dựng khoảng 8.000 ÷ 9.000 ha, trong đó đất dân dụng đô thị và đất khu dân cư nông thôn khoảng 4.200 ÷ 4.800 ha.

- Đến năm 2040 - 2045 đất xây dựng khoảng 10.000 ÷ 14.000 ha, trong đó đất dân dụng đô thị và đất khu dân cư nông thôn khoảng 5.000 ÷ 5.800 ha.

(Việc phân tích, đánh giá, dự báo cụ thể quy mô dân số và đất đai xây dựng đô thị theo từng giai đoạn sẽ được nghiên cứu, đề xuất trong quá trình nghiên cứu đồ án quy hoạch).

6. Các yêu cầu chính về nội dung quy hoạch:

a) Yêu cầu về phân tích đánh giá hiện trạng

- Các yêu cầu về phân tích, đánh giá hiện trạng cần thực hiện:

+ Phân tích vị trí, đánh giá điều kiện tự nhiên. Tập trung đánh giá phân tích về vị trí vai trò của Thủy Nguyên trong toàn thành phố và các mối liên hệ của Thủy Nguyên với vùng đô thị hiện hữu Nam sông Cấm cũng như với các vùng phụ cận thuộc địa bàn tỉnh Hải Dương và tỉnh Quảng Ninh từ đó tìm ra các lợi thế so sánh, các hạn chế trong bối cảnh cạnh tranh và hợp tác phát triển giữa các đô thị.

+ Phân tích đánh giá về hiện trạng dân số, sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và môi trường. Tập trung đánh giá quá trình tăng trưởng dân số, cơ cấu dân số, lao động trong đó lưu ý sự tăng trưởng cơ học gắn với sản xuất công nghiệp, dịch vụ từ khi phát triển Khu công nghiệp

đô thị VSIP, Khu công nghiệp Nam Cầu Kiền, Khu công nghiệp Bến Rừng... Đánh giá việc khai thác sử dụng đất đai và hiệu quả sử dụng đất; đánh giá về kiến trúc cảnh quan đô thị, đặc biệt lưu ý đánh giá các giá trị cảnh quan tự nhiên và các đặc trưng cảnh quan tự nhiên gắn với sông Bạch Đằng, sông Giá, sông Cấm, vùng núi đá tự nhiên ven sông Bạch Đằng gắn với các di tích văn hóa lịch sử. Đánh giá về hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, môi trường và từ đó đối chiếu với các chỉ tiêu, mục tiêu phát triển đô thị. Đánh giá các vấn đề về môi trường và các nguy cơ tiềm ẩn rủi ro có thể xảy ra.

+ Đánh giá công tác quản lý, triển khai thực hiện quy hoạch. Đánh giá quá trình phát triển đô thị, công tác quản lý phát triển và các vấn đề bất cập trong quản lý một khu vực phát triển đô thị quy mô lớn của thành phố nhưng thuộc địa bàn cấp huyện. Đánh giá về phát triển và biến đổi không gian đô thị qua các thời kỳ, việc quản lý, khai thác sử dụng đất và phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng đô thị (đô thị mới Bắc Sông Cấm, thị trấn Minh Đức, thị trấn Núi Đèo) và vùng nông thôn.

+ Đánh giá hiện trạng đô thị theo các tiêu chuẩn, tiêu chí phân loại đô thị. Rà soát đánh giá chất lượng đô thị và đối chiếu theo các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ tiêu của đô thị loại III và hướng tới loại II để tìm ra hướng đầu tư trọng điểm sớm đưa Thủy Nguyên lên đô thị loại III giai đoạn trước mắt và hướng tới đô thị loại II trong tương lai.

+ Đánh giá các chương trình, dự án đầu tư. Rà soát thống kê các chương trình, các dự án phát triển trên địa bàn toàn đô thị Thủy Nguyên. Phân tích đánh giá sự phù hợp với các chương trình, các quy hoạch cấp trên, sự phù hợp với mục tiêu phát triển Thủy Nguyên trong tương lai để phân loại các dự án tiếp tục triển khai, các dự án cần có sự điều chỉnh hoặc các dự án không phù hợp (nếu có).

+ Xác định các vấn đề cơ bản cần giải quyết. Từ hệ thống phân tích đánh giá hiện trạng và mục tiêu phát triển đô thị để xác định điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong quá trình phát triển đô thị. Xác định các vấn đề cơ bản cần giải quyết trước mắt cũng như lâu dài thông qua các giải pháp quy hoạch đô thị.

- Công tác đánh giá hiện trạng phải được thực hiện trên bản đồ khảo sát địa hình, bản đồ địa chính, phương pháp khảo sát thực địa, phỏng vấn chuyên gia và các nguồn tài liệu, dữ liệu phù hợp khác. Các tài liệu, dữ liệu cơ sở phải được cập nhật mới nhất, có quá trình diễn biến để từ đó có sự phân tích, thống kê chính xác.

b) Yêu cầu về tiền đề và dự báo phát triển

- Phân tích vai trò vị thế, tiềm năng, động lực phát triển:

+ Phân tích, làm rõ các Nghị quyết, Quyết định, văn bản pháp lý, các chủ trương và chính sách của: Đảng, Quốc hội, Chính phủ liên quan đến phát triển thành phố Hải Phòng; phân tích các tác động của Quy hoạch vùng, các quy hoạch ngành mới, mang lại những động lực, tiềm năng mới cho thành phố Thủy Nguyên.

+ Phân tích và làm rõ vị thế, vai trò của thành phố Thủy Nguyên trong định hướng tổng thể thành phố Hải Phòng, cũng như trong vùng đồng bằng sông Hồng; đồng thời làm rõ các kết nối chia sẻ hạ tầng kinh tế - xã hội và hạ tầng kỹ thuật.

+ Đánh giá được động lực, tiềm năng chính, cơ chế chính sách, quỹ đất, tính đa dạng văn hóa, lịch sử và các đặc trưng về địa lý, kinh tế, cảnh quan, môi trường.

- Xác định tính chất, chức năng đô thị:

+ Tính chất, chức năng cần phù hợp với các định hướng phát triển được xác định trên cơ sở các Nghị quyết, Quyết định, văn bản pháp lý, các chủ trương và chính sách của: Đảng, Quốc hội, Chính phủ liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh đối với thành phố Hải Phòng và vùng đồng bằng sông Hồng.

+ Tính chất, chức năng của thành phố Thủy Nguyên cần nghiên cứu và bổ sung so với đề án Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng được duyệt năm 2023 để đảm bảo thành phố phát huy được tối đa các lợi thế về vị trí, vị thế, vai trò của một đô thị cửa ngõ.

- Yêu cầu về dự báo phát triển:

+ Yêu cầu Dự báo phải có phương pháp và cơ sở khoa học (đảm bảo dự báo phù hợp với các dự báo của các ngành - đặc biệt từ phát triển công nghiệp, du lịch, dịch vụ).

+ Dự báo tăng trưởng về kinh tế, xã hội, dân số, lao động, đất đai và quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động; dự báo khả năng và quá trình đô thị hóa.

+ Dự báo nhu cầu sử dụng đất đai đô thị trên cơ sở dự báo quy mô dân số, hiện trạng đất đai; dựa trên các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật về sử dụng đất đai theo quy định; dự báo tổng quy mô đất đai xây dựng đô thị và các quy mô cho từng thể loại thành phần.

+ Tiềm năng khai thác quỹ đất xây dựng đô thị. Cụ thể hóa các hình thái phát triển theo khả năng đô thị hóa.

+ Lựa chọn các cơ sở kinh tế kỹ thuật đô thị phải phù hợp với quy chuẩn, quy phạm và các quy hoạch cấp trên đã được phê duyệt. Về nguyên tắc dựa trên các tiêu chuẩn đô thị loại II.

c) Yêu cầu về định hướng phát triển không gian đô thị

- Mô hình và định hướng phát triển đô thị

Mô hình, định hướng phát triển cần lồng ghép, kế thừa các định hướng của quy hoạch chung thành phố Hải Phòng gắn với Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải; gắn kết không gian của khu vực nội thị với khu vực đô thị trung tâm thành phố Hải Phòng. Nghiên cứu mô hình và hướng phát triển đô thị phù hợp với tính đặc trưng về địa hình, cảnh quan, môi trường và văn hóa, xã hội (cảnh quan sông, núi...); phù hợp với các dự kiến về mô hình tổ chức hành chính mới của đô thị Thủy Nguyên.

- Yêu cầu về định hướng phát triển không gian

+ Nghiên cứu, rà soát, kế thừa hợp lý các định hướng của Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng và các quy hoạch ngành có liên quan trên cơ sở thực trạng phát triển, địa hình, cảnh quan, khả năng kết nối hạ tầng kết hợp các yếu tố đặc thù.

+ Đề xuất phạm vi ranh giới khu vực nội, ngoại thị dự kiến (xem xét đến mở rộng phạm vi nội thị) phù hợp với quá trình sắp xếp đơn vị hành chính; đảm bảo khai thác tối đa các lợi thế về cảnh quan tự nhiên, mặt nước.

+ Xác định phạm vi, quy mô các khu vực chức năng của đô thị; khu hiện có hạn chế phát triển, khu chỉnh trang, cải tạo, khu cần bảo tồn, tôn tạo; các khu chuyển đổi chức năng; khu phát triển mới; khu cấm xây dựng, các khu dự trữ phát triển; các khu vực dự kiến xây dựng công trình ngầm (đặc biệt lưu ý đến ranh giới vùng bảo vệ di tích; khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải ...).

+ Xác định chỉ tiêu về mật độ dân cư, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, định hướng và nguyên tắc phát triển đối với từng khu chức năng.

+ Đề xuất định hướng phát triển các khu vực nông thôn và vùng ven đô, trong đó làm rõ mối liên hệ giữa không gian khu vực nông thôn với đô thị, nông thôn với phát triển công nghiệp, du lịch, dịch vụ; nông thôn với bảo tồn, phát huy các giá trị của cảnh quan tự nhiên, văn hóa; đảm bảo điều kiện hạ tầng đô thị nhằm gắn kết không gian tổng thể thành phố Hải Phòng và các địa phương lân cận.

+ Xác định các vùng kiến trúc, cảnh quan, các trục không gian chính, quảng trường, cửa ngõ đô thị, điểm nhấn đô thị; đề xuất tổ chức không gian, kiến trúc cho các khu vực trên. Nguyên tắc và các giải pháp về thiết kế đô thị tổng thể theo quy định. Lưu ý các giải pháp bảo vệ và phát huy các vùng cảnh

quan đặc trưng của Thủy Nguyên đặc biệt là vùng cảnh quan dọc sông và hệ thống núi đá vôi gắn với sông Bạch Đằng và hệ thống các di tích văn hóa lịch sử quan trọng của thành phố và quốc gia.

d) Định hướng hệ thống hạ tầng kinh tế xã hội:

Xác định hệ thống trung tâm hành chính, trung tâm thương mại, dịch vụ, trung tâm công cộng, thể dục thể thao, công viên, cây xanh và không gian mở; trung tâm chuyên ngành cấp vùng và đô thị để đảm bảo đáp ứng được tiêu chí đô thị loại II và phù hợp với quy hoạch các ngành, quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ năm 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

đ) Yêu cầu về định hướng quy hoạch sử dụng đất đô thị theo các giai đoạn quy hoạch

- Xác định phạm vi, quy mô, các chỉ tiêu sử dụng đất theo từng giai đoạn trên cơ sở mô hình và định hướng phát triển không gian; đề xuất điều chỉnh chức năng sử dụng đất, quy mô, chỉ tiêu và nguyên tắc sử dụng đất đối với từng khu vực chức năng. Xác định chỉ tiêu về mật độ dân cư, chỉ tiêu sử dụng đất và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật có liên quan đến xây dựng và sử dụng đất từng khu vực nhằm phục vụ cho công tác quản lý và kiểm soát phát triển.

- Bố trí các hành lang cách ly, hành lang hạ tầng chính và quỹ đất xây dựng công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật.

- Đề xuất kế hoạch sử dụng đất phù hợp với từng giai đoạn phát triển; xác định quỹ đất dự trữ phát triển cho giai đoạn sau năm 2045.

e) Yêu cầu về định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật:

Định hướng xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ và hiện đại, phù hợp với tính chất chức năng và quy mô của đô thị phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn của đô thị loại II; đảm bảo tuân thủ theo quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch tỉnh; xác định các vấn đề chia sẻ hạ tầng kỹ thuật trong vùng đô thị trung tâm thành phố Hải Phòng:

- Về chuẩn bị kỹ thuật: Lựa chọn hướng phát triển không gian đô thị phù hợp trên cơ sở rà soát, xác định các giải pháp cao độ nền và thoát nước mặt hợp lý cho đô thị mới Thủy Nguyên và đảm bảo an toàn về lũ, úng và phòng tránh các hiểm họa thiên tai; khoanh vùng các khu vực cấm hoặc hạn chế xây dựng; chọn mô hình hệ thống thoát nước mưa, xác định các lưu vực thoát nước chính, hướng thoát nước, xác định mạng lưới và kích thước đường cống thoát nước; xác định vị trí, quy mô các công trình kênh, mương, hồ điều hòa, trạm bơm (nếu có); đề xuất các giải pháp phòng chống tai biến thiên nhiên nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu; đặc biệt lưu ý các vị trí ven sông.

- Về quy hoạch giao thông: xác định hệ thống khung hạ tầng giao thông đồng bộ, kết nối đồng bộ mạng lưới giao thông vận tải của đô thị mới Thủy Nguyên với mạng lưới giao thông vận tải vùng, quốc gia và của thành phố Hải Phòng. Nghiên cứu các tuyến giao thông thủy phù hợp nhằm khai thác lợi thế tối đa các tuyến sông (sông Bạch Đằng, sông Giá, sông Cấm) đồng thời đưa ra các giải pháp kết nối đa phương thức giữa giao thông thủy và đường bộ, đường sắt.

Quy hoạch mạng lưới giao thông đối ngoại, giao thông đô thị, vị trí và quy mô các công trình đầu mối giao thông; tổ chức hệ thống giao thông công cộng và hệ thống bến, bãi đỗ xe; xác định chỉ giới đường đỏ các trục chính đô thị và hệ thống hào, tuy nèn kỹ thuật.

- Về quy hoạch cấp nước: phân tích đánh giá tài nguyên nước, đề xuất phân vùng cấp nước, các giải pháp cấp nước và bảo vệ nguồn nước. Xác định tiêu chuẩn và nhu cầu dùng nước trong sản xuất, trong sinh hoạt, dự kiến nguồn cấp, công trình đầu mối, mạng lưới đường ống cấp nước, cấp nước chữa cháy và xác định các thông số kỹ thuật kèm theo. Lưu ý nghiên cứu giải pháp để dần thay thế các cơ sở cấp nước nhỏ lẻ không đảm bảo các yêu cầu về chất lượng bằng các cơ sở cấp nước hiện đại đáp ứng được các yêu cầu về năng lực cấp nước, tiêu chuẩn chất lượng nước sinh hoạt và sản xuất.

- Về quy hoạch cấp điện, chiếu sáng, thông tin liên lạc: Xác định tiêu chuẩn, nhu cầu sử dụng điện; lựa chọn cân đối nguồn điện; đề xuất giải pháp thiết kế mạng lưới cấp điện, dự kiến các công trình đầu mối cho từng giai đoạn quy hoạch. Tính toán nhu cầu và đề xuất giải pháp cho chiếu sáng đô thị và nông thôn.

Về quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động: Tính toán nhu cầu và đề xuất giải pháp phát triển hạ tầng viễn thông. Xây dựng mạng lưới truyền dẫn quang đồng bộ theo hướng sử dụng chung cơ sở hạ tầng, mở rộng hệ thống viễn thông công cộng đáp ứng nhu cầu của người sử dụng. Dự kiến các công trình đầu mối, tổ chức mạng lưới cáp ngoại vi diện rộng đảm bảo mỹ quan đô thị.

- Về quy hoạch thoát nước thải, thu gom xử lý chất thải rắn, nghĩa trang: xác định tiêu chuẩn và dự báo khối lượng thoát nước thải, chất thải rắn, nhu cầu đất nghĩa trang (bao gồm khu vực công nghiệp và đô thị); định hướng hệ thống thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn; nghĩa trang và nhà tang lễ đến năm 2045.

g) Đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường:

Đánh giá hiện trạng về môi trường tự nhiên đô thị, hệ sinh thái, địa chất, xói mòn đất; khai thác và sử dụng tài nguyên, thay đổi khí hậu; về chất lượng nguồn nước, không khí, chất thải rắn, nước thải, tiếng ồn; về các vấn đề dân cư, xã hội, văn hoá và di sản.

Phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội và môi trường đô thị.

Đề ra các giải pháp về quy hoạch nhằm phòng ngừa, giảm thiểu, khắc phục tác động và rủi ro đối với dân cư; hệ sinh thái tự nhiên; nguồn nước, không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch đô thị.

h) Đề xuất chương trình, dự án ưu tiên và nguồn lực thực hiện

Đề xuất tiêu chí, lựa chọn dự án ưu tiên, phân kỳ tổ chức thực hiện và xác định mục tiêu phát triển cụ thể cho từng giai đoạn quy hoạch. Xây dựng danh mục các dự án đầu tư chủ yếu có ý nghĩa tạo động lực phát triển, đảm bảo phù hợp với dự báo nguồn lực thực hiện. Đề xuất các giải pháp, cơ chế chính sách thực hiện quy hoạch, kế hoạch hành động theo các giai đoạn phát triển của đô thị.

i) Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch: Đề xuất các nội dung, quy định quản lý quy hoạch phù hợp đồ án quy hoạch và tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan về quy hoạch cũng như quản lý đô thị hiện hành, đảm bảo theo nhu cầu thực tế trên địa bàn.

7. Hồ sơ sản phẩm:

Thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn và các quy định khác liên quan.

8. Tổ chức thực hiện:

- Cấp phê duyệt: Thủ tướng Chính phủ.
- Cơ quan thẩm định: Bộ Xây dựng.
- Cơ quan tổ chức lập và trình duyệt: Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.
- Cơ quan tư vấn lập quy hoạch: Đơn vị tư vấn có năng lực theo quy định pháp luật.
- Thời gian lập đồ án: Theo quy định hiện hành.

Điều 2. Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng bố trí nguồn vốn, phê duyệt dự toán chi phí cho công tác lập quy hoạch; phối hợp với Bộ Xây dựng và các bộ, ngành liên quan tổ chức lập, trình duyệt đồ án Quy hoạch chung đô thị mới Thủy Nguyên đến năm 2045 theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ trưởng, các Phó Thủ trưởng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Công an, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Y tế, Quốc phòng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thành ủy, HĐND, UBND thành phố Hải Phòng;
- Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Thủy Nguyên;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: TH, NC, NN, KGVX, PL, KTTH, QHĐP;
- Lưu: VT, CN (2). Tuấn.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trần Hồng Hà